

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - S phúc

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 25-7-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Vũ Văn Thi
- Ông Đỗ Văn Thư

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, nơi cư trú: Khu phố V, thị trấn K, huyện huyện K, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; **Vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2022, quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn S vào ngày 10 tháng 4 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh S tại thôn K, xã L. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm sống, do anh S mãi chơi không chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là Nguyễn Minh D sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 20 tháng 3 năm 2017. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Hữu L cho chị nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Minh D cho anh S nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh S không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh S về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng như lời khai chị M đã khai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay chị M khởi kiện ly hôn anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị M và vì các con còn nhỏ nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung như lời khai của chị M đã trình bày. Nếu giải quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giao hai con chung Nguyễn Minh D và Nguyễn Hữu L cho anh nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị M không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn S; về con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu L sinh ngày 20 tháng 3 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Minh D sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 cho anh S nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi mỗi con chung đủ

18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 4 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Anh S đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh S đều lấy lý do vì công việc mà vắng mặt tại các phiên họp hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, điều đó cho thấy anh S không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị M và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn S có hai con chung là Nguyễn Minh D sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 20 tháng 3 năm 2017. Chị M và anh S đều có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xét, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha, mẹ; hiện tại chị M và anh S đều có công việc và thu nhập, con chung Nguyễn Hữu L còn nhỏ nên cần giao chị M nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Minh D cho anh S nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh S không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hữu L sinh ngày 20 tháng 3 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Minh D sinh ngày 19 tháng 7 năm 2015 cho anh S nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét, giả quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị M đã nộp theo Biên lai thu tiền số 004126 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã L;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Nguyễn Thị Liên**

